TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Viết;

Bà Võ Thị Trà Giang.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969, cư trú tại tổ 01, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn L, sinh năm 1963, cư trú tại thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, dẫn đến thường hay cãi vã. Năm 2000, ông L bỏ nhà đi và hiện nay sinh sống tại thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đến nay, bà thấy không

thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông L.

Về nuôi con: Con chung của bà với ông L là Trần Quang T, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2018, bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về xác lập quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không sống chung. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà P.

Về nuôi con: Con chung của ông và bà P là Trần Quang T, sinh năm 1997, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn: Ông không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L. Về nuôi con, về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Trần Văn L nhưng ông L vắng mặt tại phiên toà. Còn nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông L là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà P và ông L sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Vì không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin ly hôn ông L.

Tuy nhiên, trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn của bà P và ông L thì Toà án không giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng quy định tại các Điều 9, 14, 53 Luật hôn

nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

[3]. Về nuôi con; về chia tài sản chung khi ly hôn: Bà P và ông L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà P phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L là vợ chồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018569 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Viết **Võ Thị Trà Giang** **Lê Trung Thành**